

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Thông tư này quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là ATKT & BVMT) đối với các loại xe máy chuyên dùng nhập khẩu; sản xuất, lắp ráp từ các linh kiện mới chưa qua sử dụng hoặc từ xe mới chưa qua sử dụng và chưa có biển số (gọi là xe cơ sở); cải tạo và khai thác sử dụng.”.

2. Sửa đổi Điều 2 như sau:

“Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, kiểm tra, nhập khẩu; sản xuất, lắp ráp từ các linh kiện mới chưa qua sử dụng hoặc từ xe cơ sở; cải tạo và khai thác sử dụng xe máy chuyên dùng.”

3. Sửa đổi Điều 3 như sau:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ sử dụng trong Thông tư này bao gồm:

1. *Xe máy chuyên dùng (sau đây viết tắt là xe)* gồm các loại xe được nêu trong tiêu chuẩn Việt Nam [TCVN 7772:2007](#) “Xe, máy và thiết bị thi công di động - phân loại” và các loại xe được nêu tại mục C của Phụ lục I và mục D của Phụ lục II của Thông tư số 41/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 07 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.
2. *Xe cùng kiểu loại* là các xe của cùng một chủ sở hữu công nghiệp, nhãn hiệu, thiết kế, thông số kỹ thuật cơ bản và cùng nước sản xuất.

3. *Mẫu điển hình* là sản phẩm được kiểm tra, đánh giá để cấp Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại.
4. *Chứng chỉ chất lượng* được hiểu là một trong các văn bản sau: Thông báo miễn kiểm tra chất lượng ATKTK & BVMT xe nhập khẩu (sau đây viết tắt là Thông báo miễn), Giấy chứng nhận chất lượng ATKTK & BVMT xe nhập khẩu (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận CL); Thông báo không đạt chất lượng ATKTK & BVMT nhập khẩu (sau đây viết tắt là Thông báo không đạt); Giấy chứng nhận Thẩm định thiết kế; Giấy chứng nhận chất lượng ATKTK & BVMT xe sản xuất, lắp ráp (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận kiểu loại); Giấy chứng nhận Thẩm định thiết kế cải tạo; Giấy chứng nhận chất lượng ATKTK & BVMT xe cải tạo.
5. *Chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm* là quá trình kiểm tra, thử nghiệm, xem xét, đánh giá và chứng nhận sự phù hợp của một kiểu loại sản phẩm với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.
6. *Giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe trong khai thác sử dụng* (sau đây viết tắt *Giấy CNAT*) là chứng chỉ xác nhận xe đã được kiểm tra và thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.
7. *Tem kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe trong khai thác sử dụng* (sau đây viết tắt là *Tem kiểm tra*) là biểu trưng cấp cho xe đã được cấp Giấy CNAT và được phép tham gia giao thông đường bộ theo thời hạn ghi trên Tem kiểm tra.
8. *Người nhập khẩu* là tổ chức, cá nhân nhập khẩu xe.
9. *Thẩm định thiết kế* là việc xem xét, kiểm tra đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế sản phẩm với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành nhằm đảm bảo cho các sản phẩm được sản xuất, lắp ráp hoặc cải tạo đáp ứng các yêu cầu về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.
10. *Cơ sở thiết kế* là tổ chức có đăng ký kinh doanh, hoạt động ngành nghề thiết kế xe hoặc là Cơ sở sản xuất, lắp ráp, cải tạo tự thiết kế xe do đơn vị mình sản xuất, lắp

ráp, cải tạo.

11. *Cơ sở sản xuất, cải tạo* là doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, cải tạo xe hoạt động theo quy định hiện hành.

12. *Đơn vị kiểm tra ATKT & BVMT xe trong khai thác sử dụng (sau đây viết tắt là Đơn vị kiểm tra)* là các Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, các Chi cục đăng kiểm có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực thực hiện kiểm tra xe theo quy định và được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

13. *Chủ xe* là tổ chức, cá nhân sở hữu; người lái xe hoặc người đưa xe đến kiểm tra.

14. *Đánh giá việc đảm bảo chất lượng của sản phẩm tại cơ sở sản xuất (sau đây viết tắt là đánh giá COP)* là quá trình xem xét, đánh giá hệ thống quản lý chất lượng, quá trình sản xuất, lắp ráp sản phẩm, hoạt động của hệ thống kiểm tra chất lượng tại cơ sở sản xuất trong quá trình sản xuất, lắp ráp nhằm đảm bảo chất lượng ATKT & BVMT đối với kiểu loại xe đăng ký chứng nhận chất lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định đối với kiểu loại sản phẩm.”

4. Bổ sung Điều 3a như sau:

“Điều 3a. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, các tiêu chuẩn và sai số phép đo được sử dụng trong việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng gồm:

1. QCVN 13: 2011/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng;
2. QCVN 22: 2010/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chế tạo và kiểm tra phương tiện, thiết bị xếp dỡ;
3. QCVN 12: 2011/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số đối với kích thước, khối lượng của xe cơ giới; sai số cho phép và làm tròn số đối với kích thước, khối lượng của xe được áp dụng như đối với ô tô chuyên dùng;
4. TCVN 7772: Tiêu chuẩn quốc gia về xe, máy và thiết bị thi công di động - phân loại;

5. TCVN 4244: Tiêu chuẩn quốc gia về thiết bị nâng, thiết kế chế tạo và kiểm tra kỹ thuật.”

5. Sửa đổi, bổ sung Chương III như sau:

“Chương III

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG SẢN XUẤT, LẮP RÁP

Điều 8. Hồ sơ thiết kế

1. Hồ sơ thiết kế xe bao gồm:

- a) Thuyết minh thiết kế kỹ thuật xe (bản chính) theo quy định tại mục A của Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Bản vẽ kỹ thuật (bản chính) theo quy định tại mục B của Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;
- c) Bản thông số kỹ thuật (bản sao) của các tổng thành, hệ thống liên quan tới nội dung tính toán thiết kế.

2. Miễn lập hồ sơ thiết kế: đối với xe sản xuất, lắp ráp theo thiết kế và mang nhãn hiệu hàng hóa của nước ngoài, nếu Cơ sở sản xuất cung cấp được các tài liệu thay thế sau đây:

- a) Bản vẽ kỹ thuật của xe thể hiện được bố trí chung của sản phẩm; các kích thước cơ bản của Xe; bố trí và kích thước lắp đặt hệ thống công tác, ca bin;
- b) Bản sao có xác nhận của bên chuyển giao công nghệ Giấy chứng nhận kiểu loại sản phẩm do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp;
- c) Bản sao có xác nhận của bên chuyển giao công nghệ bản thông số kỹ thuật và tính năng cơ bản của xe sản xuất, lắp ráp do bên chuyển giao công nghệ cấp.

Điều 9. Thẩm định thiết kế

- 1. Hồ sơ thiết kế xe phải được Cục Đăng kiểm Việt Nam thẩm định.
- 2. Hồ sơ thiết kế sau khi thẩm định đạt yêu cầu, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hồ sơ thiết kế sau khi được cấp giấy chứng nhận thẩm định thì: 01 bản lưu trữ tại Cục Đăng kiểm Việt Nam; 01 bản lưu trữ tại cơ sở thiết kế và 01 bản tại cơ sở sản xuất, lắp ráp đối với trường hợp cơ sở thiết kế khác với cơ sở sản xuất, lắp ráp hoặc 01 bản tại cơ sở sản xuất, lắp ráp đối với trường hợp cơ sở sản xuất, lắp ráp tự thiết kế.

4. Bổ sung, sửa đổi hồ sơ thiết kế

a) Trong trường hợp có thay đổi, bổ sung thiết kế sản phẩm so với hồ sơ thiết kế đã được thẩm định thì cơ sở thiết kế sản phẩm đó phải có hồ sơ thiết kế bổ sung, sửa đổi và văn bản đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam thẩm định nội dung bổ sung, sửa đổi đó theo trình tự thủ tục quy định tại khoản 5 Điều này.

b) Cơ sở thiết kế phải lập hồ sơ thiết kế mới nếu những bổ sung, sửa đổi không đáp ứng được yêu cầu về xe cùng kiểu loại.

5. Cách thức thực hiện thẩm định thiết kế

a) Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế bao gồm: 01 đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XIVa ban hành kèm theo Thông tư này; 01 bộ hồ sơ thiết kế theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này (trường hợp nộp hồ sơ bằng giấy thì các tài liệu nêu tại khoản a và b Điều 8 gồm 02 bản, nếu cơ sở thiết kế khác cơ sở sản xuất thì 03 bản); 01 bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ thay thế khác của cơ sở thiết kế (đối với trường hợp thẩm định thiết kế lần đầu của cơ sở thiết kế).

b) Trình tự thực hiện:

Cơ sở thiết kế lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ trong vòng 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn cơ sở thiết kế hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy thông báo hẹn thời gian trả kết quả thẩm định thiết kế.